



# VỀ Ý CHÍ CHỦ QUYỀN ĐỐI VỚI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA CỦA GIỚI CHỨC LÃNH ĐẠO CAO CẤP VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

Luu Anh Rô\*

Hội Sử học thành phố Đà Nẵng, 24 Trần Phú, Đà Nẵng, Việt Nam

**Tóm tắt:** Hiếm có quốc gia ven biển nào mà trong suốt chiều dài lịch sử, giới chức lãnh đạo cao cấp luôn chú ý đến việc thụ đắc, quản lý, khai thác và bảo vệ một cách liên tục đối với các phần lãnh thổ như quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa như các chính quyền Việt Nam. Từ khi vua Gia Long tuyên bố chiếm hữu, sáp nhập trong hòa bình Hoàng Sa và Trường Sa vào lãnh thổ Việt Nam cho đến nay, giới chức lãnh đạo cao cấp của Việt Nam – nhân danh quyền lợi quốc gia, đại diện cho toàn thể nhân dân Việt Nam, luôn có những hành động hoặc những tuyên bố về chủ quyền không thể chối cãi của Việt Nam đối với hai quần đảo này; ý chí chủ quyền đó, luôn được lặp đi lặp lại cho dù đất nước có bị nô lệ, lệ thuộc hay bị chia cắt bởi hai miền Nam – Bắc. Bài viết này, thông qua một số tài liệu lịch sử, đề cập đôi nét về những hành động hoặc phát biểu thể hiện ý chí chủ quyền của giới chức lãnh đạo cao cấp của Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử đối với quần đảo Hoàng Sa, ngõ hầu khẳng định chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của cha ông ta từ xưa cho đến nay đối với phần lãnh thổ thiêng liêng này.

**Từ khóa.** ý chí chủ quyền, Hoàng Sa, giới chức lãnh đạo, các thời kỳ lịch sử

## 1. Đặt vấn đề

Nhìn vào lịch sử nước ta, các nhà nước Việt Nam nối tiếp nhau cho thấy giới chức lãnh đạo cao cấp đều ý thức một cách đầy đủ về tầm quan trọng của biển, đường bờ biển và hải đảo của dân tộc. Đặc biệt, hầu như triều vua nào, chính phủ nào trong lịch sử, thậm chí ngay trong khi đất nước bị lệ thuộc, nô lệ song khi có cơ hội, thì các quan chức cấp cao của Việt Nam đều có những hành động hoặc lên tiếng khẳng định, thể hiện ý chí chủ quyền bất khả xâm phạm của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Bài viết này, thông qua một số tài liệu lịch sử, đề cập đôi nét về những hành động hoặc phát biểu thể hiện ý chí chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa của giới chức lãnh đạo cao cấp của Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, ngõ hầu khẳng định một lần nữa rằng Hoàng Sa là của Việt Nam.

## 2. Giải quyết vấn đề

Như chúng ta đều biết, Việt Nam có đầy đủ các chứng cứ lịch sử về quá trình khai thác, bảo vệ quần đảo Hoàng Sa kể từ thời các chúa Nguyễn. Đến thời vua Gia Long, ngay sau khi

---

\*Liên hệ: luuanhro@gmail.com

lên ngôi, ông từng ban sắc dụ khẳng định ý thức giữ gìn biển, đảo của nước ta, nhà vua nói: *“Côn Lôn, Phú Quốc, Thị Nại, Cù Mông trăm cùng với các tướng sĩ các người đã trăm trận đánh vất vả mới có ngày nay. Lúc yên đàng quên lúc nguy. Đó thực là đạo giữ nước yên dân.”* [1, Tr. 881] Từ nhận thức chung đó, dưới thời vua Gia Long cũng như các vua triều Nguyễn, việc chiếm hữu, bảo vệ, khai thác không chỉ giới hạn tại các đảo, quần đảo cận duyên mà còn vươn xa đến các quần đảo như Hoàng Sa, Trường Sa. Đối với Hoàng Sa, vào năm 1816, vua Gia Long lần đầu tiên lệnh cho thủy quân với sự hướng dẫn của dân binh đội Hoàng Sa đi xem xét, đo đạc thủy trình, dựng bia chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa. Đây được xem là hành động xác lập chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa theo nguyên tắc chiếm hữu một cách hòa bình của Công ước quốc tế sau này. Sự kiện quan trọng này, được Jean Baptiste Chaigneau (1769–1825) – một nhân chứng ngoại quốc đang có mặt ở Huế đã viết trong tập hồi ký *“Le memoire sur la Cochinchine”* là: *“Nước Cochinchine mà vua bấy giờ xưng đế hiệu gồm xứ Đàng Trong (Cochinchine), xứ Đông Kinh (Tonkin), một phần xứ Cao Miên, một vài đảo có cư dân không xa bờ bể và quần đảo Paracels hợp thành bởi những đảo nhỏ, đá ngầm và mỏm đá không có dân cư. Chỉ đến năm 1816, Hoàng đế bấy giờ mới xác lập chủ quyền trên quần đảo ấy.”*[2, Tr. 7] Nếu quan niệm cắm cờ trên vùng lãnh thổ của nước chủ quyền là một việc làm cần thiết phải có, thì tại quần đảo Hoàng Sa, theo giám mục Taberd thì: *“Chúng tôi không rõ họ thiết lập một cơ sở nào đó không, nhưng có điều chúng tôi biết chắc là Hoàng đế Gia Long đã chú tâm thêm cái đóa hoa kỳ dị đó vào vương miện của ngài, vì vậy ngài xét thật đã đúng lúc phải thân chinh vượt biển tiếp thu quần đảo Hoàng Sa và chính là năm 1816 mà ngài đã long trọng treo tại đó lá cờ của xứ Đàng Trong.”* [3]

Để khẳng định chủ quyền đích thực và liên tục của Việt Nam đối với Hoàng Sa, năm 1836, vua Minh Mạng ra lệnh cho tuần thủ Quảng Ngãi *“dựng miếu Hoàng Sa ở phía tây – nam đôi Bạch Sa, phía tả ngôi miếu dựng một tấm bia đá cao 1 thước 5 tấc, bề mặt 1 thước 2 tấc.”* Năm sau, vua Minh Mạng lại khiến *“thủy quân xuất đội Phan Hữu Nhật đem binh thuyền đến Quảng Ngãi thẳng tới Hoàng Sa, không nệ hòn cù lao nào, cồn cát nào, bề ngang rộng bao nhiêu, chu vi và 4 phía gần đó có đá mọc cát ngầm hay không, hình thế mấy chỗ ấy có hiểm trở hay không, từ biển ra đó bằng đường biển mấy dặm, đó gần bờ biển huyện nào, đến đâu khám xét rõ ràng rồi cắm tiêu làm dấu xong vẽ bản đồ dâng lên vua ngự lãm.”* [4, Tr. 203]

Dưới thời Pháp thuộc, không những giới chức cấp cao của Pháp khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa mà ngay cả các quan chức An Nam (dù bị lệ thuộc) vẫn công khai bày tỏ quan điểm, khẳng định chủ quyền không thể thay đổi của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa. Bộ trưởng Hải quân Pháp lúc đó (bấy giờ kiêm Quyền Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp), trong thư đề ngày 18 tháng 2 năm 1929, gửi cho Bộ trưởng Ngoại giao Pháp nói rằng: *“Nước An Nam đối với nhóm đảo không người ở này (tức Hoàng Sa, Trường Sa), có những quyền lịch sử ít bị tranh cãi hơn nhiều so với quyền lịch sử mà Trung Hoa dân quốc có thể đòi hỏi.”* [5] Cũng chính năm đó, Thượng nghị sĩ Monzie viết thư cho Bộ trưởng Bộ Thuộc địa có nói: *“Các quyền của nước An Nam, mà do đó của nước Pháp, đối với quần đảo Hoàng Sa dường như*

không thể tranh cãi kể từ thế kỷ XVII cho đến nay, quyền ấy vẫn được xác lập.” [5] Trong thư gửi cho Toàn quyền Đông Dương đề ngày 22 tháng 1 năm 1929, viên Khâm sứ Trung kỳ có nhắc lại một chi tiết đáng giá về ý chí chủ quyền của quan chức cấp cao Việt Nam lúc bấy giờ đối với vấn đề Hoàng Sa: “Mặc dù ngài Thân Trọng Huề, nguyên là Thượng thư Bộ Binh, qua đời năm 1925, trong thư ngày 3 tháng 3 năm đó, đã khẳng định rằng: “Các hòn đảo đó (Hoàng Sa và Trường Sa) bao giờ cũng thuộc nước An Nam, không có gì phải tranh cãi về vấn đề này.”” [6, Tr. 142] Như vậy, ngay cả trong chế độ thuộc địa, xuất phát từ chế độ bảo hộ, những nhân vật quan lại cấp cao Việt Nam, khi có dịp phát biểu chính kiến của mình nhân danh nước Việt Nam, đều có những lời lẽ biểu thị sự bền bỉ của ý chí làm chủ đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa mà dân tộc mình đã chiếm hữu, cai quản và khai thác liên tục tự bao đời<sup>1</sup>. Không dừng lại ở đó, ngày 29 tháng 2 năm Bảo Đại thứ 13 (ngày 30 tháng 3 năm 1938), Hoàng đế Bảo Đại ký dụ cho “Sáp nhập các cù lao Hoàng Sa (Archipel des Iles Paracels) vào địa hạt tỉnh Thừa Thiên; về phương diện hành chính, các cù lao ấy thuộc dưới quyền quan Thủ hiến tỉnh ấy.” Bản gốc Tờ dụ này hiện còn tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV (Đà Lạt) có đoạn nêu rõ: “Các cù lao Hoàng Sa thuộc về chủ quyền nước Nam đã lâu đời và dưới các tiền triều, các cù lao ấy thuộc về địa hạt tỉnh Nam Ngãi; đến đời Đức Thế Tổ Cao Hoàng Đế (vua Gia Long) vẫn để y như cũ, là vì nguyên trước sự giao thông với các cù lao ấy đều do các cửa bể tỉnh Nam Ngãi (phụ trách). Nhờ sự tiến bộ trong việc hàng hải, nên việc giao thông ngày nay có thay đổi; vả lại Viên đại diện Chính phủ Nam Triều phái ra kinh lý các cù lao ấy, cùng quan Đại diện Chính phủ Bảo hộ có tâu rằng, nên sáp nhập các cù lao Hoàng Sa vào địa hạt tỉnh Thừa Thiên để được thuận tiện hơn về mặt quản lý.” [8] Với Hiệp định ngày 8 tháng 3 năm 1949, chính quyền Quốc gia Việt Nam được thành lập (thân Pháp) do cựu hoàng Bảo Đại đứng đầu thì tháng 4 năm 1949, Đồng lý Văn phòng của Quốc trưởng Bảo Đại là Hoàng thân Bửu Lộc, một lần nữa công khai trước báo giới, khẳng định lại chủ quyền của Việt Nam từ lâu đời đối với quần đảo Hoàng Sa.

Tại Hội nghị San Francisco (tháng 8 năm 1951) theo điều II hiệp ước của hội nghị này, Nhật tuyên bố từ bỏ mọi chủ quyền và đòi hỏi đối với các lãnh thổ mà họ đã từng chiếm đóng trong Chiến tranh Thế giới thứ II (trong đó có cả Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam). Cũng chính tại Hội nghị này, với tư cách là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam (chính quyền Bảo Đại) lúc bấy giờ, ông Trần Văn Hữu, đã tuyên bố trước đại biểu của 51 quốc gia trên thế giới, về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, mà không có một quốc gia nào phản đối điều này. Chúng tôi có dịp tiếp cận toàn bộ hồ sơ liên quan đến tuyên bố này, của

<sup>1</sup> Một điều đáng chú ý là: Ngày 29 tháng 8 năm 1932, trong thư trả lời Chính phủ Pháp về vấn đề chủ quyền của quần đảo Hoàng Sa, Chính phủ Trung Hoa lúc đó đưa ra lập luận rằng: Khi vua Gia Long chiếm hữu quần đảo ấy (1816) thì Việt Nam là một nước chư hầu của Trung Hoa. Đây cũng là chiêu bài mà học giới Trung Quốc trước đây cũng như hiện nay sử dụng để khẳng định “chủ quyền” của họ đối với Hoàng Sa. Họ đã cố tình lẫn lộn giữa 2 khái niệm: “quốc gia triều cống” (tribute state) và “quốc gia chư hầu” (vassal state hay satellite state). “Triều cống” (giữa nước nhỏ đối với nước lớn) là để giữ quan hệ hữu hảo và duy trì hòa bình giữa hai nước; khác với “chư hầu” là lệ thuộc hoàn toàn vào nước lớn.

ông Trần Văn Hữu về Hoàng Sa. Tại Công văn mật số 1403–VP/PC/M ngày 22 tháng 10 năm 1951 của Phủ Thủ hiến Trung phần gửi ngài Thủ tướng Quốc gia Việt Nam ở Sài Gòn có đoạn: *“Trong lúc dự Hội nghị quốc tế Cựu Kim Sơn, quý Thủ tướng có lên tiếng về chủ quyền của quốc gia Việt Nam ở những đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Sau đó, tiếp lời tuyên bố của quý Thủ tướng, các báo Tiếng Việt (số 250, ra ngày 10 tháng 9 năm 1951), Dân Quyền (số 705, ra ngày 14 tháng 9 năm 1951), Liên Hiệp (số 152, ra ngày 19 tháng 9 năm 1951)... với những tài liệu lịch sử và căn cứ vào địa dư cùng tình trạng thực tế, đã đều quả quyết là đảo Hoàng Sa và Trường Sa xưa nay vẫn thuộc lãnh thổ Việt Nam.”* [8] Tại hội nghị trên, với tư cách Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng, ông Trần Văn Hữu đã phát biểu: *“Việt Nam rất hứng khởi ký nhận trước nhất cho công cuộc tạo dựng hòa bình này. Và cũng vì vậy, cần phải thành thật tranh thủ tất cả mọi cơ hội để dập tắt tất cả những mầm mống tranh chấp sau này, chúng tôi xác nhận chủ quyền đã có từ lâu đời của chúng tôi trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.”* [9, Tr. 43] Nhiều nhà nghiên cứu quan tâm về vấn đề tranh chấp quần đảo Hoàng Sa tại Việt Nam và trên thế giới lâu nay, đều xem đây như một lời “nhắc lại” ở cấp nguyên thủ quốc gia, về chủ quyền bền vững và duy nhất của Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa<sup>2</sup>.

Dưới thời Đệ nhất Cộng hòa (1954–1963), từ tài liệu sản sinh ra trong quá trình tồn tại của chính quyền Việt Nam Cộng hòa (dưới thời Ngô Đình Diệm), do Văn phòng Phủ Thủ tướng và Văn phòng của Phủ Tổng thống Ngô Đình Diệm lưu trữ, chúng tôi nhận thấy ý chí chủ quyền của Tổng thống Ngô Đình Diệm đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là nhất quán, như với các chính quyền tiền nhiệm. Điều đáng nói là, ngoài việc đưa lực lượng quân đội và bảo an ra canh giữ, Tổng thống Ngô Đình Diệm còn quyết định sáp nhập Hoàng Sa vào đất liền, trở thành một đơn vị hành chính có dân hiện hữu.

Từ đề xuất của Tòa hành chính Thừa Thiên, Tòa hành chính Quảng Nam và tòa Đô chính Đà Nẵng, tại tờ trình của Bộ Nội vụ lên Tổng thống Ngô Đình Diệm đề xuất việc sáp nhập Hoàng Sa vào đất liền, chúng tôi thấy góc trái công văn có bút phê rằng: *“Tổng thống dạy rằng, nên đặt tên xã là xã Hoàng Sa cho tiện!”* [12] Sau một thời gian nghiên cứu, kể cả tên gọi hành chính cho đơn vị cấp xã của Hoàng Sa, ngày 13 tháng 7 năm 1961, chính quyền Việt Nam Cộng hòa ban hành các Sắc lệnh số 174–NV nêu rõ: *“Quần đảo Hoàng Sa, trước kia thuộc tỉnh Thừa Thiên, nay đặt thuộc tỉnh Quảng Nam; Một đơn vị hành chính xã bao gồm trọn quần đảo này được thành lập và lấy danh hiệu là xã Định Hải, trực thuộc quận Hòa Vang. Xã Định Hải đặt dưới quyền một Phái viên hành chánh; Bộ trưởng Nội vụ, Tỉnh trưởng Thừa Thiên và Tỉnh trưởng*

<sup>2</sup> Kết thúc hội nghị là ký kết Hoà ước với Nhật vào ngày 8 tháng 9 năm 1951. Trong Hoà ước này có điều 2, đoạn 7, ghi rõ: “Nhật Bản từ bỏ mọi quyền, danh nghĩa và tham vọng đối với các quần đảo Paracel (Hoàng Sa) và Spatally (Trường Sa)” (khoản f). Điều này được xem như là sự chấp nhận toàn vẹn chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Bản tuyên bố này xác nhận chủ quyền đã hiện hữu, vì vậy nó có tác dụng đối với tất cả các nước, ngay cả đối với những quốc gia không có mặt tại hội nghị (như Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Trung Hoa dân quốc).

*Quảng Nam, chiếu nhiệm vụ, lãnh thi hành Sắc lệnh này.*"<sup>3</sup> Như vậy, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã lấy tên Định Hải thay cho tên gọi xã "Hòa Đức" theo yêu cầu trước đó của Tòa tỉnh Quảng Nam. Khi đề nghị cho ý kiến về việc rút lực lượng thủy quân lục chiến đang canh giữ Hoàng Sa và thay thế vào đó là lực lượng bảo an, lúc đầu Tổng thống Ngô Đình Diệm đã thẳng thắn bác bỏ điều này. Tại công văn số 217/BPTT/VP/M/C5 ngày 6 tháng 2 năm 1957, ông Bộ trưởng Phủ Tổng thống, thay lời của Tổng thống Ngô Đình Diệm trả lời đề xuất trước đó của Bộ Quốc phòng, đã cho biết: "*Quý Bộ trưởng ngỏ ý muốn rút quân đội đồn trú ở đảo Hoàng Sa về nội địa và cho Bảo an thay thế. Tôi thiết tưởng việc đóng quân Hoàng Sa có một tánh cách quân sự rõ rệt, không những để tỏ rõ chủ quyền Việt Nam trên đảo, còn để đề phòng mọi bất trắc do các nước cũng định đặt chủ quyền trên đảo có thể gây nên.*" [9] Sau đó ít lâu, Bộ Quốc phòng đã tái đề nghị đưa bảo an ra thay thế quân đội tại quần đảo Hoàng Sa với những lý lẽ sau: "*Tổng thống đã cho phép rút 43 quân nhân thủy quân lục chiến tại Hoàng Sa, chỉ lưu lại 30 binh sĩ cùng cán bộ để tổ chức canh phòng với 43 bảo an viên được gửi ra thay thế. Tuy nhiên, Bộ Tổng Tham mưu chúng tôi nhận thấy việc lưu giữ một trung đội Thủy quân lục chiến ở Hoàng Sa không mang lại một ích lợi thiết thực nào, mà còn gây nhiều trở ngại về phương diện chỉ huy, tiếp tế, huấn luyện... vì:*

1. *Nếu có biến cố xảy ra tại Hoàng Sa, khả năng tác chiến của 1 trung đội thủy quân lục chiến hoạt động đơn phương và ở trong thế phòng thủ vẫn không khác gì 1 trung đội bảo an.*
2. *Việc chỉ huy và tiếp tế cho hai đơn vị khác nhau ở Hoàng Sa không có sự đồng nhất, sẽ gây nhiều phiền phức khó khăn.*
3. *Việc huấn luyện cho trung đội Thủy quân lục chiến còn lại đảo sẽ không xúc tiến được.*
4. *Hơn nữa, việc chiếm đóng đảo này chỉ nhằm mục đích tượng trưng chủ quyền Việt Nam tại đó, và như vậy xét ra sự hiện diện của Bảo an là đủ.*

*Vì vậy, Bộ Tổng Tham mưu chúng tôi, nhận thấy sau khi đã tổ chức xong hệ thống phòng thủ tại đảo Hoàng Sa theo lệnh của Tổng thống (chúng tôi nhấn mạnh – tg), thì trung đội thủy quân lục chiến cần được rút về để giao nhiệm vụ phòng thủ đảo này cho bảo an. Một khi việc phòng thủ Hoàng Sa đã hoàn toàn giao lại cho bảo an, nếu gặp trường hợp khẩn cấp, thì các chiến hạm hải quân và nếu cần cả Thủy quân lục chiến cũng sẽ được phái ra tức khắc để yểm trợ cho Bảo an. Ngoài ra, việc liên lạc và tiếp tế cho Bảo an khi ra đóng tại Hoàng Sa cũng được Bộ Tổng tham mưu chúng tôi trừ liệu."* [11]

---

<sup>3</sup> Sắc lệnh số 174-NV ngày 13 tháng 7 năm 1961, do Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm ký theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Trần Thiện Khiêm (tài liệu trích từ Công báo Việt Nam Cộng hòa – 1961). Trước 1961, quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên theo Chiếu dụ số 10 ngày 30 tháng 3 năm 1938 về việc sáp nhập quần đảo Hoàng Sa vào địa hạt tỉnh Thừa Thiên do vua Bảo Đại ký trên cơ sở Nghị định số 156-SG ngày 15-6-1932, ấn định tổ chức hành chính tại quần đảo Hoàng Sa. Vị trí quần đảo Hoàng Sa có tọa độ xác định tại khoảng giữa 15°45' – 17°15' vĩ độ Bắc và 111° – 113° kinh độ Đông, nằm gần trọn phía Nam vĩ tuyến 17, nên việc quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên hay Quảng Nam chỉ mang tính hành chính để dễ quản lý nhất thuộc chính quyền Việt Nam cộng hòa.

Dưới thời Đệ Nhị cộng hòa, chính quyền Việt Nam Cộng hòa vẫn tiếp tục khẳng định ý chí chủ quyền của mình đối với Hoàng Sa, từ quan chức cấp tỉnh đến bộ trưởng Ngoại giao, Tối cao Pháp viện hay Thủ tướng, Tổng thống của Việt Nam Cộng hòa. Ngày 13 tháng 7 năm 1971, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa Trần Văn Lắm có mặt tại Hội nghị lần thứ VI của Hiệp hội các Quốc gia châu Á – Thái Bình Dương ở Manila (Philippines) tái khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Sau đó, Nha Thông tin báo chí Bộ Ngoại giao đã ra Thông báo số 214/BNG/TTBC/TT về chủ quyền của Việt Nam Cộng hòa trên các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa với lời lẽ khá cương quyết: *“Chính phủ Việt Nam Cộng hòa tuyên bố Việt Nam Cộng hòa có chủ quyền hoàn toàn trên hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa và bác bỏ tất cả các đòi hỏi của bất cứ một quốc gia nào về vấn đề này.”*[10]

Đến năm 1972, Thông cáo chung Thượng Hải giữa Mỹ và Trung Quốc được ban bố, càng tạo ra sự rạn nứt không thể hàn gắn giữa Liên Xô và Trung Quốc. Thêm vào đó, cuộc chiến tranh Việt Nam đang ở giai đoạn gần kết thúc, cục diện chính trị thế giới biến đổi mạnh đã tạo điều kiện cho ý đồ thôn tính Hoàng Sa của Trung Quốc thêm chín muồi. Chỉ hai năm sau đó (1974), Trung Quốc đã quyết định phát động “một cuộc tiểu chiến tranh”, dùng vũ lực chiếm đóng bất hợp pháp toàn bộ quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam. Ngày 16 tháng 1 năm 1974, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa ra Tuyên bố về việc Trung Quốc xâm phạm chủ quyền Việt Nam Cộng hòa trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Điểm đỉnh của ý đồ đánh chiếm Hoàng Sa của Trung Quốc được thể hiện rõ vào ngày 11 tháng 1 năm 1974, khi Trung Quốc ngang nhiên tuyên bố quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của mình. Ngay lập tức, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa đã phản ứng rất quyết liệt, đồng thời tổ chức các cuộc họp báo tại Sài Gòn, lần lượt, phát ngôn viên Bộ Ngoại giao cũng như ông Tổng trưởng Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa đã tố cáo trước dư luận thế giới về tham vọng bành trướng lãnh thổ của Trung Quốc. Ngày 20 tháng 1 năm 1974, sau trận hải chiến Hoàng Sa, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa cũng đã gọi điện và gửi thư cho Chủ tịch Hội đồng Bảo an và Tổng thư ký Liên hiệp quốc đề nghị những biện pháp cần thiết trước tình hình khẩn cấp về việc Trung Quốc dùng vũ lực xâm chiếm Hoàng Sa. Hành động dùng vũ lực đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa của Trung Quốc đã vi phạm Điều 2 của Hiến chương Liên hiệp quốc. Trước các hành động đó, các nước như Liên Xô, Hà Lan, New Zealand, Indonesia... Các tổ chức quốc tế như Tổng Liên đoàn Lao động thế giới, các lực lượng thanh niên Italia, Hội đồng công dân Australia, Viện Nghiên cứu xã hội Australia, Ủy ban Đại học Australia bảo vệ Đông Dương... đã lên tiếng phản đối hành động xâm lược lãnh thổ bằng vũ lực của Trung Quốc.

Ngay sau khi Trung Quốc đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa, Đại Hội đồng Tối cao Pháp viện của Việt Nam Cộng hòa, nhóm họp lúc 9 giờ sáng ngày 29 tháng 1 năm 1974, tại Dinh Gia Long, để cứu xét việc Trung Quốc chiếm Hoàng Sa. Sau khi nghiên cứu các tài liệu lịch sử và hành chính liên hệ đến quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Đại Hội đồng Tối cao

Pháp viện Việt Nam Cộng hòa vào hồi 11 giờ 30, đã ra Tuyên cáo lên án Trung Quốc xâm lăng đảo Hoàng Sa, văn bản này có đoạn:

*"Xét vì, theo các tài liệu lịch sử và hành chính, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã thuộc lãnh thổ Việt Nam và được quốc gia Việt Nam cai trị liên tục từ trên 100 năm nay;*

*Xét vì, do đó quốc gia Việt Nam có chủ quyền trên hai quần đảo nói trên theo Quốc tế công pháp;*

*Xét vì, hơn nữa chủ quyền của quốc gia Việt Nam đối với hai quần đảo liên hệ, đã được đại diện của Việt Nam xác nhận tại Hội nghị San Francisco năm 1951 mà không có sự phản đối nào của các quốc gia tham dự;*

*Đại hội đồng Tối cao Pháp viện long trọng tuyên cáo:*

*Xác nhận chủ quyền của quốc gia Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa;*

*Cực lực tố cáo trước dư luận quốc tế hành vi xâm lăng của Trung Cộng vi phạm trầm trọng chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam Cộng hòa;*

*Khẩn thiết kêu gọi các đoàn thể luật gia trên thế giới, tích cực trợ giúp Việt Nam Cộng hòa trong việc tái lập chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa." [14]*

Ngày 14 tháng 2 năm 1974, ba phát ngôn viên của chính phủ, quân sự, ngoại giao đồng long trọng đọc bản tuyên cáo của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa liên quan đến chủ quyền của Việt Nam Cộng hòa trên những đảo ở ngoài khơi bờ biển Việt Nam. Tinh cách long trọng được ghi nhận khi cùng một lúc có đến ba phát ngôn viên của Chính phủ lần lượt lên diễn đàn để đọc bản tuyên cáo này. Tuyên cáo nêu rõ: *"Nghĩa vụ cao cả và cấp thiết nhất của một Chính phủ là bảo vệ chủ quyền, độc lập và sự vẹn toàn lãnh thổ của quốc gia. Chính phủ Việt Nam Cộng hòa cương quyết làm tròn nghĩa vụ này, bất luận những khó khăn trở ngại có thể gặp phải và bất chấp những sự phản đối không căn cứ đâu phát xuất từ đâu. Trước việc Trung Cộng trắng trợn xâm chiếm bằng vũ lực quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam Cộng hòa, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa thấy cần phải tuyên cáo long trọng trước công luận thế giới cho bạn cũng như thù biết rõ rằng:*

*Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là những phần bất khả phân của lãnh thổ Việt Nam Cộng hòa. Chính phủ và nhân dân Việt Nam Cộng hòa không bao giờ chịu khuất phục trước bạo lực mà từ bỏ tất cả hay một phần chủ quyền của mình trên những quần đảo ấy. Chừng nào còn một hòn đảo thuộc phần lãnh thổ ấy của Việt Nam Cộng hòa bị nước ngoài chiếm giữ bằng bạo lực, thì chừng ấy Chính phủ và nhân dân Việt Nam Cộng hòa còn đấu tranh để khôi phục những quyền lợi chính đáng của mình. Kẻ xâm chiếm phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về mọi tình trạng căng thẳng có thể do đó mà có.*

*Trong dịp này, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa cũng long trọng tái xác nhận chủ quyền của Việt Nam Cộng hòa trên những hải đảo nằm ở ngoài khơi bờ biển Trung phần và bờ biển Nam phần Việt Nam, từ trước tới nay vẫn được coi là một phần lãnh thổ của Việt Nam Cộng hòa căn cứ trên*

*những dữ kiện địa lý, lịch sử, pháp lý và thực tại không chôi cãi được. Chính phủ Việt Nam Cộng hòa cương quyết bảo vệ chủ quyền quốc gia trên những đảo ấy bằng mọi cách.*

*Trung thành với chính sách hòa bình cố hữu của mình, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa sẵn sàng giải quyết bằng đường lối thương lượng những vụ tranh chấp quốc tế có thể xảy ra về những hải đảo ấy, nhưng nhất định không vì thế mà từ bỏ chủ quyền của Việt Nam Cộng hòa trên những phần đất này.”* [14]

Vụ Trung Quốc dùng vũ lực cưỡng chiếm Hoàng Sa của Việt Nam, đã làm dấy lên tinh thần dân tộc với nhiều sắc độ khác nhau, đối với người Việt Nam ở trong nước và khắp thế giới. Tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, chúng tôi được tiếp cận một mật thư của Tổng trưởng Dân vận – Chiêu hồi gửi Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, đề ngày 22 tháng 3 năm 1974 (có kèm băng ghi âm), cho biết: Văn phòng thông tin của chính quyền Sài Gòn tại Paris, đã có cuộc phỏng vấn Cựu Thủ tướng Trần Văn Hữu phát biểu về vấn đề Hoàng Sa, tại tư thất của ông, ngay sau khi Hoàng Sa bị Trung Quốc chiếm. Ông Trần Văn Hữu cho biết: *“Được tin quân đội Trung Hoa đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa, tôi vừa ngạc nhiên và vừa bi ai. Ngạc nhiên là vì việc bất ngờ, bi ai vì cuộc đổ máu rất tiếc giữa hai quân đội. Bất ngờ vì chủ quyền Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa đã được tôi công khai tuyên bố nơi Hội nghị Hòa bình với Nhật năm 1951, vào tháng 9 dương lịch tại San Francisco. Lúc ấy, là lần đầu tiên Việt Nam vào hàng 50 cường quốc có quyền định đoạt vấn đề quốc tế. Với tánh cách Chủ tịch Phái đoàn đại diện cho toàn cõi Việt Nam, trong một bài diễn văn đọc ngày bế mạc hội nghị, tôi long trọng tuyên bố xác nhận chủ quyền của Việt Nam trên cả Trường Sa và Hoàng Sa. Năm mươi phái đoàn cường quốc im lặng nghe lời tuyên bố của Phái đoàn Việt Nam, tức là họ hoàn toàn công nhận, không gặp một quốc gia nào phản đối.”* [15]

Tại thời điểm trên, xác định rõ sự thỏa hiệp, chia chác của các cường quốc vì lợi ích quốc gia của họ, cụ thể là giữa Mỹ và Trung Quốc, trong thư gửi ông Phạm Hùng lãnh đạo của Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam, tháng 10 năm 1974, Tổng Bí thư Lê Duẩn đã nói rõ: *“Người ta đã mặc cả với nhau”* về Việt Nam, *“tuy tranh giành với nhau, song tất cả đều lo ngại cách mạng Việt Nam mạnh lên và giành được toàn thắng... Âm mưu của họ rất nguy hiểm, nhưng lúc này chưa ai sẵn sàng, chưa ai đủ sức làm nổi.”* [16, Tr. 178] Từ sự phân tích tình hình địch – ta và bối cảnh quốc tế, nhất là dự kiến việc Trung Quốc có thể lấn đến, đánh chiếm toàn bộ Trường Sa nhân lúc ta giải phóng miền Nam, Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong hai năm 1975, 1976 với tinh thần chỉ đạo là *“phải làm nhanh, làm gọn, làm triệt để, nhưng phải khôn khéo. Có như thế mới tạo được bất ngờ, không ai kịp trở tay.”* [16, Tr. 178] Khi cuộc tổng tấn công và nổi dậy diễn ra, Bộ Chính trị chỉ đạo Khu ủy V và Bộ Tư lệnh Quân khu V phải nắm thời cơ thuận lợi nhất, hành động kịp thời để giải phóng quần đảo Trường Sa. Bức điện ngày 4 tháng 4 năm 1975 chỉ thị phải *“chuẩn bị gấp và bí mật, chỉ để cán bộ có trách nhiệm biết”*. Bức điện ngày 9 tháng 4 năm 1975 nói rõ phải hành động kịp thời theo phương án đã định, vì *“Nếu để chậm, có thể quân nước ngoài chiếm trước, vì hiện nay một số nước ngoài đang có ý đồ xâm chiếm.”*



Trong bức điện ngày 13 tháng 4 năm 1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói còn thêm: “*Nếu địch đã rút toàn bộ hoặc rút đại bộ phận thì đánh chiếm ngay. Nếu quân nước ngoài đánh chiếm trước thì đánh chiếm lại.*” [17, Tr. 229–231] Qua đó, cho chúng ta thấy ý chí chủ quyền và các hành động cương quyết của lãnh đạo cấp cao Việt Nam trong việc thể hiện chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của dân tộc ta.

Từ năm 1975 đến nay, Chính phủ Việt Nam liên tục khẳng định trước cộng đồng quốc tế chủ quyền không thể chối cãi của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Các văn kiện pháp lý của Việt Nam như: Hiến pháp các năm 1980, 1992; Luật biên giới quốc gia năm 2003; Tuyên bố của Chính phủ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1977, về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam; Tuyên bố của Chính phủ ngày 12 tháng 11 năm 1982 về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam... đều khẳng định hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam. Trong các năm 1979, 1981 và 1988, Bộ Ngoại giao Việt Nam đều có công bố các Sách trắng về chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đặc biệt, đến ngày 9 tháng 12 năm 1982, đã tuyên bố thành lập huyện Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng. Đây là một khẳng định có tính pháp lý quyền quản lý hành chính của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa – một bộ phận lãnh thổ đang bị phía Trung Quốc chiếm giữ trái phép. Ngày 23 tháng 6 năm 1994, Quốc hội Việt Nam (khoá IX), kỳ họp thứ 5 đã có Nghị quyết phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, trong đó nêu rõ: Quốc hội một lần nữa khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và chủ trương giải quyết các bất đồng liên quan đến Biển Đông thông qua thương lượng hòa bình, trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng pháp luật quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, tôn trọng chủ quyền và quyền tài phán của các nước ven biển đối với vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, trong khi nỗ lực thúc đẩy đàm phán để tìm giải pháp cơ bản lâu dài, các bên liên quan cần duy trì ổn định trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng, không có hành động làm phức tạp thêm tình hình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực.

Điều đáng nói là, mỗi khi chính quyền Trung Quốc có những động thái gây hấn tại Hoàng Sa, Trường Sa, thì chính quyền và nhân dân Việt Nam, nhất là các nguyên thủ cấp cao của nước ta, luôn thể hiện tính kiên quyết trong việc khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo này. Điển hình, ngày 1 tháng 5 năm 2014, khi Trung Quốc di chuyển giàn khoan HD 981 từ Tri Tôn thuộc quần đảo Hoàng Sa tiến sâu vào thềm lục địa Việt Nam, hạ đặt sâu trong vùng 200 hải lý thuộc vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam, cách bờ biển Việt Nam 130 hải lý; cùng với đó là hơn 100 tàu các loại tới khu vực này, với sự yểm trợ của máy bay đã hung hãn đe dọa, đâm va, phun vòi rồng, gây hư hỏng nặng cho các tàu thực thi pháp luật của Việt Nam... Trước hành động ngang ngược trên của Trung Quốc, ngày 4 tháng 5 năm 2015, Việt Nam lên tiếng phản đối hoạt động phi pháp của giàn khoan Hải Dương

981. Việt Nam khẳng định có đầy đủ mọi bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý khẳng định chủ quyền của mình đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, cũng như quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa được xác định phù hợp với Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982.

Trong bối cảnh đó, đại diện cho quốc dân, đồng bào Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước ta đã mạnh mẽ lên tiếng phản đối hành động ngang ngược của Trung Quốc và khẳng định chủ quyền bất khả xâm phạm của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa. Ngày 21 tháng 5 năm 2014, trả lời phỏng vấn phóng viên nước ngoài về tình trạng đối đầu nguy hiểm, khi Trung Quốc hạ đặt giàn khoan HD 981 trong vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam tại Hoàng Sa, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã nêu rõ: *“Chúng tôi luôn mong muốn có hòa bình, hữu nghị nhưng phải trên cơ sở bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, vùng biển, và nhất định không chấp nhận đánh đổi điều thiêng liêng này để nhận lấy một thứ hòa bình, hữu nghị viển vông, lệ thuộc nào đó.”* [18, Tr. 160] Tại diễn đàn Đối thoại chính sách ở Hội châu Á ngày 28 tháng 9 năm 2015, nhân dịp dự Hội nghị thượng đỉnh Liên hiệp quốc, khi phóng viên từ *The Wall Street Journal* hỏi về phản ứng của Việt Nam đối với tuyên bố của Chủ tịch Trung Quốc là Tập Cận Bình rằng Trường Sa “thuộc về Trung Quốc từ thời xa xưa”, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang cũng đã khẳng định: *“Khi ông Tập Cận Bình khẳng định Nam Sa (tên Trung Quốc gọi Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam – tg) từ lâu là của Trung Quốc, chúng tôi cũng nói lại rằng đối với chúng tôi, lập trường trước sau như một không thay đổi. Chúng tôi gọi đó là Trường Sa và Hoàng Sa, trước sau như một thuộc về Việt Nam. Chúng tôi có đầy đủ bằng chứng về lịch sử và thực tiễn pháp lý để xác định chủ quyền của VN.”* [19]

### 3. Kết luận

Tóm lại, suốt 200 năm qua, kể từ khi vua Gia Long tuyên bố chủ quyền, xác nhận việc chiếm hữu Hoàng Sa một cách hòa bình cho đến nay, giới chức lãnh đạo cao cấp của Việt Nam qua các thời kỳ, nhân danh quyền lợi quốc gia, đại diện cho toàn thể nhân dân Việt Nam, luôn có những hành động hoặc những tuyên bố về chủ quyền không thể chối cãi của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa. Ý chí chủ quyền đó luôn được lặp đi lặp lại cho dù đất nước có bị nô lệ, lệ thuộc thì mỗi khi có cơ hội, lãnh đạo cấp cao của Việt Nam luôn tuyên bố khẳng định Hoàng Sa là của Việt Nam. Việc những người đứng đầu đất nước luôn khẳng định chủ quyền ấy với quốc dân đồng bào và với cộng đồng thế giới, có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc khẳng định chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của cha ông chúng ta tự bao đời đối với những vùng đất thiêng liêng như Hoàng Sa, Trường Sa.

### Tài liệu tham khảo

1. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
2. Hoàng Xuân Hãn (1974), “Quần đảo Hoàng Sa”, Tập San *Sử Địa*, số 29, Sài Gòn.
3. Univers (1833), *Histoire et description de tour les peuples, de leurs religions mocurs et coutumers*.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn (1972), *Quốc triều chánh biên toát yếu*, nhóm nghiên cứu Sử Địa Việt Nam.
5. Thư của Khâm sứ Trung kỳ đề ngày 22-11-1929, No. 154-k. Tài liệu lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV, thành phố Đà Lạt.
6. Nhiều tác giả (1996) *Sự thật những lần xuất quân của Trung Quốc và quan hệ Việt – Trung*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
7. Công báo Nam Triều Quốc ngữ (1938), Số 8, Tr. 223. Tài liệu hiện lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV, thành phố Đà Lạt.
8. Công văn số 17-VP/PC/M ngày 7-1-1952 của Thủ hiến Trung Việt gửi ngài Thủ tướng Chính phủ Quốc gia Việt Nam ở Sài Gòn.
9. Hồ sơ mang ký hiệu 4552-ĐI-VNCH, Tài liệu lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II – thành phố Hồ Chí Minh.
10. Hồ sơ mang ký hiệu 2903- PTTg, Tài liệu lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II – thành phố Hồ Chí Minh.
11. Nguyễn Nhã, Nguyễn Đình Đầu, Lê Minh Nghĩa, Từ Đặng Thu Minh, Vũ Quang Việt (2008), *Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam*, Nxb. Trẻ, T.P. Hồ Chí Minh.
12. Tờ trình của Bộ Nội vụ ngày 12.10.1960. Tài liệu lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II – thành phố Hồ Chí Minh.
13. Phiếu trình số 0369/TTM/P3/2 ngày 12 SEPT 1959. Tài liệu lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II – thành phố Hồ Chí Minh.
14. Tuyên cáo của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa về chủ quyền trên những hòn đảo ở ngoài khơi bờ biển Việt Nam Cộng hòa”, Ký hiệu 6360, Phòng ĐII-CH, TTLTQG II.
15. Công văn tối mật của Bộ Dân vận – Chiêu hồi gửi Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 557(b), Phòng ĐII-CH, TTLTQG II.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 35, Nxb. CTQG, Hà Nội.
17. Đảng ủy Quân sự Trung ương – Bộ Quốc phòng (2005), Một số văn kiện chỉ đạo tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 chiến dịch Hồ Chí Minh. Nxb. QĐND, Hà Nội.
18. Dẫn theo sách: “*Âm mưu thủ đoạn của Trung Quốc trên Biển Đông và Công luận thế giới*”, Nxb. Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, 2014.

19. Nguồn:<http://www.voatiengviet.com/a/chu-tich-viet-nam-dap-tra-tuyen-bo-ve-truong-sa-cua-ong-tap-can-binh/2982922.html>.

## WILLINGNESS OF SOVEREIGNTY TOWARDS THE PARACEL ISLANDS OF HIGH-RANKED LEADERS OF VIETNAM THROUGH HISTORY

Luu Anh Rô\*

Da Nang History Association, 24 Tran Phu St., Da Nang, Vietnam

**Abstract.** Since the proclamation of emperor Gia Long on the Vietnamese ownership and incorporation of the Paracel and Spratly Islands into the Vietnamese territory till now, Vietnamese high-ranked leaders always have actions or affirmation on the undeniable sovereignty of Vietnam over these two islands on behalf of the nation and Vietnamese people. Studying historical documents, the author gives illustrations for this fact in different periods of history.

**Keywords.** sovereignty, islands, Paracel, Vietnamese high-ranked leaders